

“LÀNG-HỌ ”

NHỮNG VẤN ĐỀ QUÁ KHỨ VÀ HIỆN TẠI

Giáo sư TRẦN ĐÌNH HƯỞU

Một trong những tổ chức chính trị- xã hội mang đặc sắc Việt Nam là tổ chức “Làng- Họ”. Trong lịch sử lâu dài, làng- họ đã là một chỗ dựa vững chắc cho người Việt Nam thích ứng với nền sản xuất lúa nước ở đồng bằng và đương đầu với những thử thách gay go của vùng đất nhiều lụt bão, thiên tai, của nạn ngoại xâm thường trực đe dọa ập tới. Thời gian lựa chọn làm cho làng định hình, ít khác nhau, ít thay đổi qua thời gian và không gian. Do đó tổ chức làng- họ tạo ra trong cuộc sống những mẫu người, những cung cách làm ăn, ứng xử, sống thành nếp. Ngày nay khi tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quy mô rộng lớn, chúng ta phải xét duyệt lại các tổ chức cũ, những giá trị cũ, thẩm định lại khả năng thích ứng, hiện đại hóa để phù hợp với thực tế ngày nay và tương lai. Cũng như gia đình, làng- họ, bộ máy nhà nước là những hình thức tổ chức cơ bản cần phải được đưa ra xét duyệt trước hết.

I

LÀNG - HỌ VÀ LÀNG NƯỚC

Hãy lùi lại mấy chục năm, từ trên đường quan khắp vùng đồng bằng, ta nhìn xuống các cánh đồng sẽ thấy rải rác đến tận chân trời, những hòn đảo xanh um tùm. Mỗi hòn đảo tách biệt như vậy thường là một làng. Xung quanh làng thường có lũy tre, có ao hồ bao bọc. Đường vào làng thường là ngõ nhỏ ngoằn ngoèo, độc đạo, phải đi qua một cổng làng kiên cố rồi mới vào được trong làng. Cổng làng hoặc xây bằng gạch hoặc có cánh cửa lim, hoặc ken bằng cành tre mang ý nghĩa bố phòng, gây cho người ngoài một cảm giác ít thân thiện, không hiếu khách. Sau lũy tre và cổng làng là những ngôi nhà thấp thoáng bí ẩn, con người núp trong đó. Sự kính đáo của làng làm cho người ở ngoài thấy nó lặng lẽ, bí ẩn và người ở trong thấy nó yên ổn, thanh bình. Ngày nay tình hình nói chung đã khác trước: lũy tre nhiều chỗ đã bị chặt bỏ, nhân dân làm nhà mới ngoài cánh đồng, các làng nối vào nhau... Và bên trong làng, trường học, bệnh xá, nhà trẻ đưa lại một không khí rộn rịp. Dù vậy, chỉ nhìn qua ta vẫn thấy làng là những cụm biệt lập và cảnh quan vẫn chưa phải đã bớt đơn sơ.

Làng là nơi cư trú của một nhóm cư dân không lớn, nhìn qua thì đơn sơ nhưng bên trong tổ chức rất chu đáo, đáp ứng được rất nhiều yêu cầu của cuộc sống trước đây. Nông nghiệp cấy lúa nước đã quy định phương hướng định cư gần cánh đồng nhưng làng thành đơn vị tổ chức chặt chẽ thì còn chịu tác động của một thực tế khác xuất hiện về sau: chính quyền tập trung quy tụ các nhóm cư dân phân tán đó vào lãnh thổ thống nhất. Ở phương Đông hình thức chính quyền tập trung như vậy cũng đã

xuất hiện từ rất sớm. Nhà vua, vị chúa của chính quyền chuyên chế, nhân danh mệnh Trời tuyên bố quyền vương hữu và thần dân hóa toàn thể, ruộng đất của công xã thành ruộng công và mọi người trong cộng đồng đều thành tôi con của nhà vua. Cũng không xảy ra xáo trộn gì lớn lắm. Người dân vẫn cày ruộng đất cũ nhưng vì là thân phận “thần dân”, họ phải làm nghĩa vụ với vua tức là nộp thuế, đi phu, đi lính cho nhà nước. Những nghĩa vụ ấy được phân bổ theo cộng đồng để chia nhau gánh vác. Làng có thêm một chức năng: làm đơn vị hành chính quản lý ruộng công và thần dân cho nhà vua. Bộ máy cai quản công xã mang thêm chức năng chính quyền cơ sở chịu trách nhiệm về an ninh, về lòng trung thành, giữ phép nước và nhất là đóng góp nghĩa vụ tô thuế đầy đủ. Việc đưa công xã thành làng, đơn vị hành chính phụ thuộc vào chính quyền tập trung cố định cộng đồng cư dân với cánh đồng- địa phận ruộng đất nhà nước giao cho làng. Đồng thời dân làng phải ghi tên vào sổ làng để được nhận phần ruộng đất, cấy và nộp thuế, bị ràng buộc bằng pháp luật với nơi cư trú, làm cho cộng đồng được tổ chức chặt chẽ và hơn nữa quy định phương hướng phát triển, phương hướng xây dựng tổ chức làng để làm trọn việc làng, việc nước.

Cư dân nông nghiệp trồng lúa nước đã quen sống theo hộ gia đình nhỏ, quản tụ theo thân thuộc dòng máu và về sau được tổ chức thành họ. Trong họ có quan hệ anh em, chú bác và con cháu rõ ràng, thân thuộc có tình nghĩa, có trách nhiệm với nhau sống gắn bó với nhau. Trong đời sống của cộng đồng làng “họ” cũng thành một thứ cộng đồng nhỏ, trong quan hệ với làng và với nhà nước họ không thay thế hoàn toàn hộ gia đình, nhưng bộ máy quản lý làng, và có khi là cả chính quyền cấp trên, thường vận dụng quan hệ họ hàng để nắm dân, để tổ chức thực hiện lệ làng và phép nước, Nhiều nơi dưới làng còn có “giáp” là một đơn vị ít người hơn, tập hợp trên cơ sở họ. Nhà nước phân bổ công việc giao cho làng mà làng lại phân bổ cho giáp, lợi dụng quan hệ họ hàng làm việc công. Xây dựng làng trên cơ sở họ, đơn vị hành chính ở cơ sở thực hiện nhiệm vụ nhà nước không chỉ theo pháp luật (phép nước) mà còn theo quy ước tập quán cộng đồng (lệ làng) và theo cả tình họ hàng nữa. Làng đồng thời mang tính chất là một cộng đồng công xã, một đơn vị tổ chức nhà nước và một tổ hợp các họ.

Trên cơ sở định cư từ lâu trên một cánh đồng, làng thường là biệt lập, nên phải tổ chức mọi mặt cuộc sống của cộng đồng trong đó. Ruộng đất thuộc cánh đồng làng gồm cả công điền và tư điền nằm ngoài đồng nên cần bảo vệ. Cấy lúa nước nên phải bảo đảm có nước; làng phải tổ chức việc canh phòng và giữ dòng nước chảy đều, không để ai tranh chặn. Trong làng cần có những công trình phúc lợi chung: đào giếng, đắp đường, đặt nghĩa địa chôn cất người chết, trồng cây đa, lập cầu quán cho người làm đồng nghỉ ngơi... Trong làng cũng phải bố phòng chống trộm cướp. Nhiều làng thờ Thành hoàng- thần của làng- một số ít có đền miếu, chùa chiền, có ngày lễ hội riêng. Nhưng làng nào cũng có những ngày tế lễ mùa xuân, mùa thu, vừa là có ý nghĩa nghi lễ, tôn giáo vừa là dịp để dân làng họp làng và vui chơi. Một số không ít làng có Văn miếu thờ Khổng tử, có học điền để khuyến khích mở trường dạy con em trong làng học tập. Tổ chức tế lễ và trông nom đền miếu chùa chiền là một công việc trọng đại trong sinh hoạt làng xã ngày xưa.

Nền kinh tế trước đây là nền kinh tế tự túc và cống nạp, sản xuất nông nghiệp để tự cung tự cấp và đóng góp cho làng cho nước. Ruộng đất thiếu, nhiều người phải làm phụ nghề thủ công hay buôn bán vật. Nông sản thừa và hàng thủ công cần có chỗ trao đổi. Gần làng cần có chợ. Những người buôn bán hay thợ thủ công, những đệ tử

các đền chùa thường lập phường, lập hội. Để cho tiện lợi, phường hội cũng thường tổ chức trong phạm vi một làng. Thế là làng có thể thỏa mãn mọi nhu cầu cuộc sống của dân làng.

Trong cộng đồng người dân có nghĩa vụ đóng góp mà cũng có quyền lợi, ví dụ như được chia ruộng công. Trong cuộc sống nhiều khó khăn, nhiều chuyện bất trắc, mọi người đều trông chờ vào sự tương trợ của xóm làng bà con, cho nên phải biết ăn ở để giữ gia tình nghĩa với bà con, xóm làng, để lúc làm nhà, làm cửa, gặp công việc ma chay cưới xin, gặp việc vui, việc buồn thì có bà con cô bác lui tới giúp đỡ. Để duy trì sự thỏa thuận và tình nghĩa trong cộng đồng cần có những quy ước, những chuẩn mực cho cách cư xử, những qui định về trách nhiệm... Cho nên các làng đều thường có lệ làng, có hương ước, có những phong tục tập quán và đều có những người được chọn để chấp hành những điều đó. Họ cũng là trọng tài phân xử khi có người vi phạm. Có những trường hợp phải chọn làng để bàn bạc quyết định. “Hương ước”, “sổ làng”, căn cứ để phân bổ nhiệm vụ và quyền lợi, để xác định thưởng phạt đối với dân làng cũng như uy quyền của những người cầm quyền trong làng phải được cả cộng đồng triệt để tôn trọng.

Làng không chỉ là một đơn vị hành chính mà là một tổ chức cộng đồng nhiều chức năng, tuy nhỏ nhưng tổ chức hoàn thiện thích hợp với những yêu cầu của cuộc sống trước đây. Nó đáp ứng được những đòi hỏi của cuộc sống bình thường mà cũng có khả năng ứng phó với những tình huống khó khăn như khi gặp thiên tai, gặp nạn giặc giã, ngoại xâm.

Đặc điểm của làng là cuộc sống đóng kín, đóng kín đến mức làng thành một thế giới riêng, mọi người dân làng tự thấy đầy đủ, có thể dựa vào thiết chế của làng, tinh thần cộng đồng, tình nghĩa bà con xóm làng mà sống, không cần ra khỏi làng, không cần giao lưu, và ai đi xa đến đâu khi trở về cũng phải rũ bỏ những cái của phương xa mà sống theo làng. Sự ổn định của làng dựa vào tính cộng đồng, tính đóng kín đó.

II

CUỘC SỐNG ĐIỀU KIỆN HÓA THEO TÍNH CỘNG ĐỒNG

VÀ THẾ ĐÓNG KÍN CỦA LÀNG - HỌ

Làng là đơn vị hành chính của một quốc gia dân tộc thống nhất nhưng lại giữ nguyên nhiều thiết chế và nếp sống của công xã, bảo lưu những cái đó trong diễn tiến của lịch sử. Đó là sản phẩm của một cách phát triển theo đường tắt hình thành quốc gia dân tộc bằng chế độ quận huyện, tập hợp, liên kết các công xã (quận = quân chi; huyện = huyện chi) không trải qua quá trình cải tổ xã hội của chế độ chiếm hữu nô lệ và phong kiến phân tán trợn vẹn; trao đổi ở chợ quê mùa không có thị trường chung. Hoàng đế, vị chúa của quốc gia thống nhất, thực hiện quyền vương hữu hóa và thần dân hóa toàn thể bằng cách chuyển ruộng đất công xã thành ruộng công, thừa nhận những bậc trưởng lão của công xã là nhân viên chính quyền, ban cho họ tước vị, xếp họ vào thang bậc (phải chăng việc nhà Trần đặt Đại tư xã, Tiểu tư xã quan hàm ngũ phẩm là như vậy) bất lập “đình” khắc biển “Thánh ung vạn tuế” làm nơi tạm nghỉ cho nhà vua đi tuần du... Nói tóm lại là cải tạo bên ngoài, trên bề mặt mà vẫn giữ nguyên tổ chức nội bộ và những tập tục cũ. Thay đổi tuy không phải là sâu sắc nhưng cũng

mang đến những cái khác trước. Thứ nhất là trong cuộc sống “huong đảng tộc cư” (làng xóm ở theo họ) có thêm những quan hệ chính trị- xã hội mới. Những quan hệ trong nhà- ngoài nhà, trong họ- ngoài họ, trong làng- ngoài làng phải sắp xếp theo thân phận thân dân chung, theo sự thống nhất của một đơn vị tổ chức chính quyền, người dân có quan hệ với vua quan. Bên cạnh tiêu chuẩn “thân” (họ hàng) và “xí” (tuổi tác) lại có thêm “trước” (chức vụ, địa vị chính trị, xã hội) căn cứ vào đó mà sắp xếp thứ bậc trên dưới. Thứ hai là việc chuyển ruộng công xã thành công điền- về danh nghĩa là của vua- kèm theo nghĩa vụ nộp thuế, đi phu, đi lính. Điều đó đưa làng thành một đơn vị kinh tế tự túc và cống nạp, có lẽ nói đúng hơn là phát triển tính chất tự túc cống nạp đã có từ trước và thêm phần nộp cho nhà nước.

Việc xây dựng tiếp theo đối với làng xã là việc đưa Nho giáo vào văn hóa, vào đời sống tinh thần.

Chế độ chuyên chế và cùng với nó là cách tổ chức làng- họ, quận huyện là cái ngoại nhập so với một cư dân Đông Nam Á như Việt Nam. Gắn bó với nó về mặt ý thức hệ là Nho giáo. Nho giáo đối với Việt Nam cũng là ngoại nhập. Nho giáo thời Khổng Mạnh chú ý đến nhà nước, đến gia đình và họ chứ không nói nhiều về hương đảng tức là xóm làng. Vào thời đó bên dưới “thiên hạ” là “quốc” và “gia”, và trong “quốc” vẫn là sự phân biệt giữa “thành (đô)” và “dã”. Trong cách nói “Thiên thặng chi quốc bách thặng chi gia” (Cước có ngàn cỗ xe, nhà có trăm cỗ xe) thì “gia”- nhà của đám quý tộc khanh, đại phu- không chỉ gồm những người theo quan hệ máu mủ mà gồm cả nhiều loại gia nhân tức tôi tớ. “Dã” nơi cư trú của dân lao động nông nghiệp chắc cũng là cư trú theo công xã nhưng cũng chưa phải thành làng như ta mô tả ở trên. Chỉ khi chế độ chuyên chế đã định hình, làm chủ cả quốc gia thống nhất (ở Trung Quốc là vào thời Tần Hán) thì nhà nước lập quyền mới tìm ra hình thức quận huyện, hương đình và cách ổn định tổ chức làng xã ở theo họ. Làng là đơn vị cơ sở có chức năng quản lý đất đai và thân dân không thể thiếu trong tổ chức quốc gia. Cho nên Nho giáo phải thích ứng với tổ chức đó. Tuy vậy Nho giáo lại là thích hợp và có tác dụng củng cố làng xã.

Dùng bạo lực quân sự để giành đất, giành ngôi thì Nho giáo bài xích nhưng khi triều đại đã xác lập thì Nho giáo lại chào mừng cục diện thống nhất, các nhà nho lại tận lực đưa lễ nhạc thiết lập trật tự theo phân vị. Trong phạm vi đời sống làng xã Nho giáo cũng chủ trương một trật tự trên dưới theo kiểu gia đình. Những bậc tôn trưởng, cha chú, người có chức vị, có tuổi tác phải được con em tôn kính, dùng tình và theo lễ mà biểu lộ sự phục tùng, với việc làng xã đặt mình dưới quyền vua. Nho giáo truyền bá tư tưởng mệnh trời, chủ trương lấy trung làm hiếu, chống ngộ nghịch, làm loạn. Với đời sống cộng đồng nó tuyên dương nề nếp học theo xưa, sống theo tục lệ, hòa thuận với láng giềng. Và làm nền tảng cho tất cả những cái đó là chủ trương “đôn nhân luân, hậu phong tục” phát triển lòng hiếu hữu, truyền bá việc thờ cúng tổ tiên, xây dựng họ và gia đình. Những nội dung đó chi phối khá sâu sắc hương ước của nhiều làng.

Tình hình phát triển nói trên để lại dấu vết rõ ràng trong tính chất và chức năng của làng làm cho nó không đơn thuần là một đơn vị hành chính đại vực hóa như huyện tỉnh và cả “tổng” trong thời Pháp thuộc nữa. Do tính chất vừa là đơn vị hành chính vừa là tổ chức cộng đồng, trong làng tồn tại hai quyền hành có bộ máy khác nhau. Một bên là Lý hương- và những người có chức vụ hành chính làm việc với chính quyền cấp trên, và một bên là những bô lão. Những người chức sắc, những tộc trưởng hay bậc cha chú ở các họ đứng đầu là Tiên chi, Thứ chi, lựa chọn theo lệ làng. Phân

xử các việc của cộng đồng, kể cả cách thực hiện chủ trương của chính quyền cấp trên là việc của Tiên chỉ, Thứ chỉ chứ không phải việc của Lý, Hương. Con người thần dân trong làng tuy pháp luật vẫn tính là những cá nhân- một xuất đình có xếp hạng và chịu trách nhiệm về bản thân với nhà nước- nhưng họ lại là người của gia đình, của họ, và sống chết cùng với người làng. Họ phải làm lụng để kiếm sống và đóng góp. Sản xuất chính ở làng là nông nghiệp, nhưng ruộng đất cả công lẫn tư đều ít. Số đông phải làm thêm thủ công, buôn vật, săn bắt, hái lượm hay đi nơi khác làm thuê làm mướn. Nhưng dầu “đời cua, cua máy, đời cáy, cáy đào”, mỗi người có phải tất bật tìm mọi cách để làm ăn tự túc thì cũng không ai nghĩ đến việc bỏ làng đi nơi khác. Người ta sống gắn bó với cây đa, giếng nước, với mồ mã cha ông nhà thờ tổ tiên, với bà con họ hàng. Cuộc sống cộng đồng làng- họ tạo ra thói quen sống dựa dẫm, chờ đợi “sai sao tôi vậy” không tạo cho con người tinh thần tự lực mà cũng không tạo ra thói quen hợp tác mà chỉ chờ đến phận mình, đến lượt mình. Theo nguyên tắc thì mọi công việc trong cộng đồng đều có bàn bạc thỏa thuận chung. Gặp việc bỏ lão, chức dịch cũng “chiềng làng chiềng xã, thượng hạ tây đông” mời dân làng họp bàn. Nhưng trước trật tự trên dưới, phận con em không được nói leo dù người trên có hỏi ý kiến thì cũng chỉ vâng dạ, chứ “có ý kiến gì mà nói”. Dân chủ làng xã thực ra chỉ để chứng tỏ uy quyền “nhất hô ba ứng” của người trên và thông qua thỏa ước của các thế lực trong làng mà thôi. Cuộc sống cộng đồng cản trở việc hình thành cá nhân, nhưng như thế không có nghĩa là trong đó không có chỗ cho tính ích kỷ nhiều khi mang hình thức rất nhỏ nhen, tàn bạo. Làng xã là nơi tập họp và vây cánh, phát triển thế lực để khuynh loát lẫn nhau giành quyền là “kẻ cá”. Cung cánh ấy đẻ ra những tên “hào cường” lợi dụng thế lực chiếm đoạt của công làm của riêng, ra ơn cho phe cánh, trừ dập người trái ý mình để tỏ rõ uy quyền. Đó là những cá nhân rất ích kỷ, mưu mô xảo quyệt và rất tàn bạo. Bên cạnh lớp đàn anh thường có xu hướng tìm thế lực, số đông là con em cam phận hèn kém, chưa đến phận có quyền ăn, quyền nói. Họ sống cam chịu, phục tùng và giữ gìn, tránh va. Họ cũng ích kỷ theo lối vun quén, xà xẻo. Đó là những cá nhân với cái tôi nhỏ bé hèn mọn. Và cũng có cả cái tôi của những anh liều, anh chí, hảo hán, của những trí thức nhà nho muốn trốn tránh để tự do tự tại nữa. Nhưng tất cả đều không dẫn đến ý thức sâu sắc về bản ngã về nhân cách độc lập, về quyền phát triển tự do, về vị trí xã hội bình đẳng của những con người tức là những cá nhân có bản lĩnh để sống đời sống tự lập và để hợp tác với người khác. Đời sống làng họ không làm nảy sinh chủ nghĩa cá nhân mà cũng không nảy sinh tinh thần tập thể.

Phương thức quận huyện hóa, quản tụ các công xã để có lãnh thổ thống nhất sớm, làm cho dân tộc hình thành sớm khi chưa có nền móng thị trường chung, có tác động đẩy nhanh quá trình thống nhất ngôn ngữ, lịch sử, văn hóa... làm cho người dân có ý thức sớm về nước. Nhưng tính cách đóng kín của làng làm cho làng thành thế giới của dân làng. Con người thấy là đủ trong đó, không cần giao lưu, không cần đi xa, quen với qui mô nhỏ, tầm mắt thành rất hẹp. Qui mô nhỏ và tầm nhìn hẹp ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều mặt văn hóa kể cả văn hóa tinh thần. Ở Việt Nam ca nhạc, sân khấu, hội họa đều có màu sắc và qui mô làng xã: tranh làng Hồ, dân ca vùng Quan họ, vùng Huế, tuồng Bình Định... Văn học- văn chương bác học- đã có màu sắc và qui mô rộng hơn, chung hơn nhưng cũng phát triển theo các vùng văn vật và có di chuyển trong lịch sử chưa chiếm vị trí chủ đạo, chi phối toàn quốc và chưa hình thành vai trò chi phối của đô thị, chưa có nền văn học đô thị. Các triều đại đều đã có những công trình kiến trúc qui mô lớn nhưng đó cũng chỉ là sự phối hợp, sự góp khéo của nhiều làng mang cái đẹp hài

hòa, vừa phải, khéo, xinh chứ không phải hoành tráng lộng lẫy qui mô đồ sộ. Người ta quen nói làng nước, tức là ngoài làng còn có nước, rộng lớn hơn nhưng “nước” đại thể vẫn còn được hình dung qua làng. Nước vẫn là một được thứ làng lớn về việc nước cũng như việc làng.

Một lần hưng thịnh, phát triển cao là làng dân đông, giàu có, làm ăn tấp nập, đường xá sạch sẽ, nhà cửa khang trang, vườn rau tươi tốt, có đình chùa miếu mạo, hội hè, có Văn miếu, trường học nhưng không thay đổi gì căn bản ở tính cộng đồng và tính đóng kín. Cả nước cũng bị điều kiện hóa theo hướng phát triển trong thế đóng kín của làng- họ vì cung cách kết hợp, quản tụ làng thành nước. Trong điều kiện phát triển kinh tế- xã hội của ta trước đây làng- họ là một tổ chức thích hợp, cho nên những người bỏ làng đi nơi khác làm ăn lại xây dựng nơi cư trú mới theo mô hình làng cũ. Điều đó làm thuận lợi cho việc thống nhất vùng đất mới vào quốc gia chung và được nhà nước khuyến khích. Nhưng đồng thời điều đó cũng không tạo ra cái dị biệt, cái đa dạng để phát triển cách khác, trước hết là không khắc phục được tính cộng đồng và tính đóng kín cố hữu

III

CON ĐƯỜNG HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC VỚI TỔ CHỨC LÀNG- HỌ

Thực ra làng họ cũng đã thay đổi nhiều từ cuối thế kỷ XIX cho đến nay, thay đổi cả bên ngoài thay đổi cả bên trong.

Những thay đổi chính trị, kinh tế xã hội và truyền bá văn hóa phương Tây của thực dân Pháp tác động mạnh mẽ đến đời sống cả nước, lúc đó vẫn là các làng xã phân tán. Gây tác động trực tiếp đến sự thay đổi của làng xã là việc mở mang các thành phố, thị trấn buôn bán, mở các đường giao thông và bưu điện, làm hình thành thị trường chung với vai trò chi phối kinh tế của đô thị. Cách cai trị thực dân cùng với bộ máy công chức của nó thay thế bộ máy quan lại, các nhà trường Pháp- Việt thay thế nền giáo dục của các thầy đồ Hán học, các phương tiện sinh hoạt vật chất và tinh thần của phương Tây tràn vào tạo ra một quang cảnh khác, những con người khác, những cách sống khác, cách làm ăn khác. Những cái mới lạ đều tập trung ở thành phố nhưng do tác động của kinh tế hàng hóa, của văn hóa thống trị và vai trò chủ đạo của đô thị, nó cũng lan tràn vào bên trong các lũy tre làng. Trong các làng không đến nỗi khuất néo quá, người ta dùng xà phòng, vải Tây, thắp đèn hoa kỳ, măng sông, nói tiếng Tây, đọc tiểu thuyết và trong đám đàn anh và con cháu họ cũng xuất hiện những con người học sống theo lối tân thời. Số người ra tỉnh để học hành, làm ăn và chơi bời nhiều dần. Cũng xuất hiện trên báo chí, trong văn học những xu hướng lên tiếng đòi cải cách hương thông (Nam phong, Tự lực văn đoàn,...). Đó là một bước. bước đầu đòi hiện đại hóa làng xã.

Cách mạng tháng Tam năm 1945 là một sự thay đổi thực sự lớn lao trong đời sống thôn xóm. Chính quyền cách mạng của nhân dân được thành lập, xóa bỏ một thiết chế phong kiến, tổ chức đoàn thể, ban hành hiến pháp, thực hiện quyền nam nữ bình đẳng, tổ chức bầu cử phổ thông... làm cho cuộc sống nông thôn thay đổi hẳn. Tiếp đó là mấy chục năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Lấy tinh thần yêu nước và cách mạng cổ vũ nhân dân đã sẵn hồ hởi tin theo Đảng, chúng ta đã phát

huy một cách tài tình tổ chức sẵn sàng có tinh thần truyền thống để kháng chiến. Những tổ chức làng-họ, tình làng nghĩa xóm đã giúp chúng ta không ít trong việc tổng động viên và giải quyết nhiều vấn đề cực khó khăn của cuộc kháng chiến như bố trí trú quân, tiếp vận, lập làng chiến đấu,... để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và tiến hành chiến tranh nhân dân. Chúng ta đã thực hiện trong hai cuộc kháng chiến một sự tích thần kỳ: một nước lạc hậu về mọi mặt được viện trợ về kỹ thuật hiện đại không nhiều đánh thắng trong một cuộc chiến tranh cực hiện đại. Những chủ trương phong tỏa, ném bom tàn phá các xí nghiệp, các thành phố, các đường giao thông của địch không có hiệu quả đánh gãy xương sống của tổ chức kháng chiến toàn dân và toàn quốc trên cơ sở làng xã. Các làng xã hợp tác hóa, có tổ chức Đảng, đoàn thể, xây dựng dân quân và lập làng chiến đấu là hình thức tổ chức rất có hiệu quả đáp ứng kịp thời các đòi hỏi của cuộc kháng chiến.

Làng - và cả họ nữa - trong tổ chức xã hội của ta là cái đã có sẵn, đã hình thành lâu đời không thể nghĩ chuyện xóa bỏ nó mà phải nghĩ cách vận dụng cả cải tạo để sử dụng nó - vì lợi ích hiện đại hoá, vì lợi ích xây dựng chủ nghĩa xã hội. Về mặt này, qua kinh nghiệm hơn ba mươi năm vừa qua, chúng ta không thu được thành công như trong việc vận dụng để kháng chiến. Trong tổ chức làng-họ của ta chứa đựng những chỗ vướng cho việc triển khai xây dựng chủ nghĩa xã hội. Có tháo gỡ đúng những chỗ đó mới tạo được cơ sở thích hợp để phát triển kinh tế, văn hóa và tổ chức quản lý xã hội trôi chảy.

Chúng ta thực tế bắt tay xây dựng chủ nghĩa xã hội từ khi hợp tác hóa nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp lấy, người thoát ly nông thôn xây dựng công nghiệp thương nghiệp, nông trường quốc doanh, đào tạo cán bộ kỹ thuật và công nhân xây dựng kinh tế trên cơ sở quyền sở hữu công cộng. Trong quá trình đó ở nông thôn trải qua một cuộc thay đổi rất lớn. Làng xã được sắp xếp lại về địa vực và tổ chức chặt chẽ. Xã thành đơn vị cơ sở quản lý mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa giáo dục, xã hội. Có tác dụng đặc biệt sâu sắc là việc tổ chức hợp tác xã nông nghiệp theo xã, việc quản lý hộ khẩu, sắp xếp công ăn việc làm, quản lý theo sản xuất và kinh doanh. Đời sống ở các làng xã một mặt được cải thiện hơn trước: mọi người đã có nhà cửa quần áo chăn màn tốt hơn, ăn uống khá hơn, con cái được đi học và ốm đau được chạy chữa, không còn cảnh cách biệt giàu nghèo như trước. Nhưng nhìn chung nông thôn vẫn còn hiện ra cảnh xác xơ, sống căng thẳng và khép kín. Một phần là do hậu quả chiến tranh, một phần là do đường lối công hữu hóa, đưa người thoát ly phát triển kinh tế quốc doanh và làm việc trong biên chế. Ở nông thôn thường chỉ còn người già và đàn bà, trẻ con, kinh tế gia đình suy sút hẳn. Trai tráng thoát ly, vào biên chế ăn lương nhưng không có khả năng giúp gia đình. Những người ở lại làng gia nhập hợp tác xã nông nghiệp, theo đội sản xuất điều động làm các công việc của hợp tác xã ăn chia theo công điểm. Sản xuất nặng nhọc, chi phí nhiều khoản tốn kém nên phần của người trực tiếp lao động rất thấp, đã thế lại phụ thuộc vào đội trưởng, kế toán nên dễ bị bớt xén và ăn chia bất công. Trình độ học vấn chung cao hơn trước- nhiều người đã tốt nghiệp bậc trung học- tin tức và tri thức khoa học và văn hóa cũng được báo chí và phương tiện thông tin khác đưa về làng xã, nhưng chỉ đọng lại xung quanh các cơ quan cấp xã mà không thâm nhập vào nhân dân. Hầu như tất cả chỉ có khả năng kiếm sống bằng trồng trọt và chăn nuôi, đã ít ngành nghề, công việc được chi huy lại theo cường độ căng thẳng nên không mấy ai có hứng thú, có nhu cầu học hỏi cái mới. Xã thành đơn vị tổ chức hoàn chỉnh, quản lý mọi mặt và tập trung vào sản xuất nông

nghiệp, làm cho dân làng chán nản muốn thoát ly nhưng lại không có nhu cầu và cơ hội giao lưu rộng rãi. Cũng giống ngày xưa, tổ chức làng xã vừa qua vẫn chưa khắc phục được tính đóng kín và ngăn cản ảnh hưởng đô thị. Một hiện tượng đáng chú ý là trong nông thôn những năm gần đây xảy ra một quá trình tái sinh nhiều cái cũ. Đầu tiên là việc khôi phục họ hàng. Người ta quyên góp tiền làm giỗ, lễ tổ, xây lăng mộ, làm nhà thờ, chép gia phả và đi nhận họ... Về mặt chính trị- xã hội một số cán bộ lợi dụng chức quyền kéo bè cánh, làm oai làm phúc và khuynh loát nhau trở thành những tên cường hào và những phe cánh như trong cảnh hương thôn xưa. Họ cũng sai phái hách dịch, cũng chiếm đoạt trắng trợn và đẩy một số đồng không có thế lực gì vào cảnh sống cam chịu tránh né, tìm cách nương cây ở bà con, xóm giềng có lòng tốt như xưa. Cũng khôi phục lại cả những cảnh đình đám linh đình, phong tục hủ bại, mê tín nhảm nhí. Nông thôn chúng ta vốn không nhiều nghề, ruộng đất lại ít, ngân sách nhà nước chủ yếu còn lấy từ nông nghiệp. Việc quốc hữu hóa ruộng đất và tổ chức sản xuất ở hợp tác không khác mấy với việc cày công điền sản xuất tự túc và công nạp. Thuế suất cao, người cày ruộng bị gò bó lại bị động, có khi phụ thuộc vào sự yêu ghét của cán bộ hợp tác xã. Việc công hữu hóa ruộng đất đưa tất cả mọi người vào hợp tác nông nghiệp và tập trung mọi chức năng vào bộ máy chính quyền xã làm cho môi trường khép kín và thúc đẩy con người trở lại với những cung cách sống làng- hộ trước đây. Những tư tưởng xã hội chủ nghĩa, thiết chế dân chủ luật pháp xã hội chủ nghĩa đều biến thành hình thức.

Mấy năm nay, nhất là từ Đại hội VI của Đảng chúng ta đã thấy nhiều mặt tiêu cực, nhìn ra một số sai lầm và đề ra những biện pháp khắc phục sửa chữa: thực hiện khoán, phát triển kinh tế hàng hóa, mở rộng giao lưu, phát triển thủ công, kinh tế vườn, khuyến khích tư nhân kinh doanh, cho đấu thầu... Nhưng chúng ta mới nhận thấy một mặt là chủ nghĩa xã hội, hiểu một cách sai lầm dẫn đến sự tiêu điều của làng xã mà hình như chưa nhận thấy một mặt khác là làng- xã hay làng- hộ- không được cải tạo, tổ chức cách khác cũng dẫn đến một chủ nghĩa xã hội của nông dân công xã. Nếu chủ nghĩa xã hội, hiểu là sở hữu công cộng với chính quyền vô sản chuyên chính chỉ huy cả kinh tế, sắp xếp cả công việc làm ăn cho từng người, lo từ chuyện tương cã mắm muối, và xây dựng bằng cách xác lập quan hệ sản xuất, đã dẫn đến quan liêu, bao cấp, đến trói buộc cả xã hội, thì “làng- hộ” với nền sản xuất nông nghiệp tự túc và công nạp, với tính cộng đồng, tính đóng kín của nó cũng dẫn đến cách hiểu chủ nghĩa xã hội “trại lính” với bệnh địa phương, nạn phe phái, tệ cường hào.

Chủ nghĩa xã hội đối lập với chủ nghĩa tư bản về mục tiêu về phương pháp xây dựng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội nhưng cũng là công việc hiện đại hóa thế giới theo sự chi phối của những dữ kiện có tính thời đại giống nhau, trong những công việc cụ thể có tính thao tác kỹ thuật nhiều khi không khác nhau. Ở những nước kinh tế lạc hậu văn hóa, xã hội chưa phát triển mà lại xây dựng chủ nghĩa xã hội theo con đường phi tư bản chủ nghĩa như nước ta việc xây dựng kinh tế cần kèm theo việc xây dựng cơ sở xã hội. Có đô thị hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa đất nước mới tiếp nhận được nền kinh tế và chính trị hiện đại. Một nước mà 70% đến 80% còn là nông thôn, còn là những làng- hộ quen với trật tự trên dưới với cuộc sống cộng đồng, quen chờ đợi ở trên, quen nếp sống đóng kính thì không thể gia nhập được vào cuộc sống hiện đại. Làng- hộ, tự thân nó là đối nghịch với đô thị hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa. Cho nên để triển khai xây dựng chủ nghĩa xã hội cách nhìn của chúng ta với làng họ là cách nhìn theo con mắt hiện đại hóa, nhiều khi một phần nào đó là tiếp tục cách

nhìn của thị dân trước Cách mạng tháng Tám chứ không phải là tiếp tục cách ca tụng sự bền vững, tình làng nghĩa xóm những bảo vật của truyền thống dân tộc như cách nhìn thời kỳ giành chính quyền và kháng chiến.

Hiện đại hóa khắc phục tình trạng lạc hậu nhất thiết phải bằng con đường công nghiệp hóa. Con đường trước đây thường kéo theo sự phá sản của nông thôn, sự thoát lý của nông dân ra đô thị, sự bóc lột của công nghiệp đối với nông nghiệp, sự đối lập giữa thành thị và nông thôn, nhưng ngày nay với chủ trương công nghiệp hóa tại chỗ, rời nông nghiệp mà không rời làng xóm, phát triển kinh tế gia đình và dịch vụ có thể hạn chế và tránh được hiện tượng nông thôn hóa thành xác xơ đổ. Tuy vậy làng xóm, nông thôn cũng không thể cứ là như cũ.

1. Trong làng xóm phải có nhiều ngành nghề. Phải đưa kỹ thuật vào để rút lao động nông nghiệp sang dịch vụ và các ngành thủ công và gia công công nghiệp, giao ruộng đất cho nông dân làm ăn giỏi, giao diện tích đủ cho họ sản xuất.

2. Người dân trong làng xã phải là những người công dân, những cá nhân tự do, tự lựa chọn, năng động thích ứng với sự đa dạng. Họ tự nguyện hợp tác với người khác chứ không phải dựa vào sự sắp xếp của tập thể, làm việc theo sự chỉ huy.

3. Làng xã không phải là đóng kín mà giao lưu rộng rãi. Không những cái mới được đưa vào làng mà người làng cũng cần được đưa lại tiếp xúc với cái mới, thường là tập trung ở đô thị (thông tin văn hóa, khoa học kỹ thuật...) Văn hóa đô thị mà đặc tính là tự do và dân chủ sẽ là một chất kích thích làm thay đổi con người của làng- họ. Khi nói đến xây dựng con người mới ta thường nhấn mạnh yêu nước, giác ngộ chủ nghĩa xã hội, học hỏi khoa học kỹ thuật, biết vì mọi người dám nghĩ dám làm, sáng tạo, kỷ luật,... Nhưng để là những con người như thế trước hết nói phải là “con người” phải là những cá nhân, những công dân có nhân cách độc lập, tự lập, có trách nhiệm và chịu trách nhiệm. Đòi hỏi ngày nay, phù hợp với công cuộc đổi mới tư duy đối với con người mới ở làng xã là tính năng động, sự chủ động và tinh thần hợp tác, nói cách khác cũng là khắc phục tính tập thể cũ: ỷ lại, dựa dẫm. Theo đòi hỏi đó chúng ta cũng phải xóa bỏ những người tự cho mình là người “tiên tri, tiên giác” xưa, tự coi mình có quyền làm thầy, làm cha mẹ dân, kể công, kể ơn và thành loại quan, “thân” và “hào cường” không chế đời sống thôn xóm; xóa bỏ loại người “hiểu biết” cóp nhặt đây đó mọi chuyện mới lạ đủ thứ nào chính trị, nào khoa học và đem khoe mẽ vung vãi vốn am hiểu bên âm chè, bên chén rượu. Theo đòi hỏi đó chúng ta cũng phải xóa bỏ những người dân thấp cổ bé họng, tiểu kỹ và cam chịu, thay đổi theo hướng như vậy chắc không tránh khỏi làm phai nhạt bớt một phần tình làng nghĩa xóm vốn xây dựng trên cơ sở trật tự trên dưới trong họ ngoài làng. Chúng ta nên duy trì và phát huy tình nghĩa họ hàng, xóm giềng, làng xóm- những di sản tốt đẹp trong truyền thống- nhưng phải đặt trên cơ sở đời sống xã hội bình đẳng tuân theo pháp luật, không để quan hệ đồng tông, đồng hương thành chỗ dựa dẫm, gây phe cánh, móc ngoặc.

Vấn đề có ý nghĩa bao quát ở đây là chúng ta nên xây dựng xã như thế nào? Xã có vị trí, chức năng thế nào trong đời sống hiện đại, trên lãnh thổ thống nhất và

theo thể chế tập trung dân chủ xã hội chủ nghĩa? Chắc chắn xã sẽ là đơn vị cơ sở về địa vực. Nhưng trước đây do ta quan niệm việc quản lý mọi mặt công việc thuộc về Đảng và chính quyền vô sản chuyên chính nên ở cơ sở ta tập trung mọi đầu mối vào Đảng ủy và Ủy ban, mọi hoạt động đều có phần chức trách quản lý hay tham gia ý kiến của cơ sở. Ở xã, hầu như các ngành, các đoàn thể cho dân chiếu phim, đá bóng cũng hỏi ý kiến, chờ quyết định có khi là chỉ đạo cụ thể của Đảng ủy và Ủy ban. Công việc bề bộn và bộ máy rất cồng kềnh. Sự tập trung như vậy làm cho hoạt động kinh tế, văn hóa xã hội vốn đòi hỏi sự năng động, linh hoạt, ít ràng buộc theo địa vực bị trói buộc. Cách dùng bộ máy nhà nước để chỉ huy công việc và phân bổ về xã làm cho hoạt động trong xã hội thành đồng loạt và đơn điệu, không phát huy được sự sáng tạo hành động tự nguyện, tự giác, tự quản có tính xã hội, có tính quần chúng. Phải chăng chúng ta nên coi xã chỉ là một đơn vị hành chính, chấp hành pháp luật, còn các hoạt động kinh tế, văn hóa xã hội thì xã hội hóa và để không hoàn toàn ràng buộc về địa vực?

Một khó khăn rất lớn cho nông thôn hiện nay là giao thông bưu điện kém phát triển, cản trở nghiêm trọng chủ trương mở rộng giao lưu và phát triển kinh tế hàng hóa.

Xã ngày này không thể là một “làng - họ” cộng đồng và đóng kín, ranh giới quá biệt lập với xung quanh. Trước đây tượng trưng cho mỗi làng là ngôi đình. Ngày nay hầu như nó được thay thế bằng trụ sở Ủy ban. Một bên là biểu tượng của cộng đồng và một bên là biểu tượng của chính quyền. Nhưng phải chăng trong cuộc sống phong phú và rộng mở của chủ nghĩa xã hội, chúng ta nên làm cho mỗi một làng xã có một biểu tượng có màu sắc văn hóa hơn như một nơi danh thắng, một nhà bảo tàng, một sân vận động, một câu lạc bộ chẳng hạn.

Vấn đề làng xã không chỉ đóng khung trong những làng xa. Tổ chức kiểu làng xã, con người của làng xã, cách sống làng xã, cách làm việc làng... đã ảnh hưởng nhiều đến tư tưởng, văn hóa chung. Cho nên giải quyết vấn đề làng xã cũng không chỉ là tổ chức lại làng xã, tổ chức lại nông thôn mà còn phải nghĩ đến cả những hậu quả “làng xã” rộng hơn, ngoài làng xã nữa.